

Bản án số: 675/2025/HC-PT

Ngày: 29 - 05 - 2025

V/v: “V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết
định hành chính về quản lý đất đai và
quyết định giải quyết khiếu nại”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 303/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 4 năm 2025, về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1607/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Tạ Quốc V, sinh năm 1954 (xin vắng mặt);

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1953 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà T: Ông Tạ Văn Q, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Mạnh H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Xuân H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tạ Thị Kim Q1, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

2. Ông Tạ Quốc V1, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q1, ông V1 gồm:

- Ông Tạ Văn Q, sinh năm 1983 (có mặt);

- Ông Tạ Quốc V, sinh năm 1954 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Ông Tạ Quốc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện trình bày:

Ông V, bà T là người có quyền sử dụng đất theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 347559 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 23/6/2015 thuộc thửa đất số 54, tờ Bản đồ số 35, diện tích 214.3m², tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trên giấy chứng nhận QSDĐ được thể hiện sơ đồ kỹ thuật Thửa đất rõ ràng và phù hợp với diện tích đất thực tế ông bà đang sử dụng.

Trong quá trình sử dụng đất, ngày 23/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2570/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông bà với diện tích đất là 185.7m² thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35.

Theo nội dung Quyết định trên có nhiều vấn đề trái pháp luật gây thiệt hại đến quyền và lợi ích chính đáng của chúng tôi:

+ Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà được công nhận khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 214.3m², trên giấy chứng nhận ở phần Ghi chú không ghi chú trong phần diện tích 214.3m² đã được thu hồi hoặc bồi thường cho ai diện tích là bao nhiêu hoặc bị hạn chế quyền sử dụng gì. Nhưng không hiểu lý do vì sao Ủy ban nhân dân huyện T khi ra quyết định thu hồi đất thì chỉ thu hồi phần diện tích là 185.7m² còn diện tích 28.6m² của ông bà bỏ đi đâu. Đến khi ông bà khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại giải thích vô căn cứ là diện tích còn lại đã bồi thường cho chủ đất cũ (người chuyển nhượng đất cho ông) diện tích 28.6m². Việc giải thích của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không có cơ sở, không đúng. Nếu như đã bồi thường cho chủ đất cũ thì tại sao tại thời điểm ông thực hiện việc chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

vào năm 2015 thì Nhà nước không điều chỉnh sự biến động của thửa đất này và trừ phần đất đã thu hồi và đã bồi thường ra, trong khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đúng diện tích là 214.3m². Nếu như trước đây đã bồi thường thì phải có quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường và thể hiện diện tích đất còn lại. Từ những lý do vô lý như trên cho thấy việc UBND huyện T không bồi thường cả diện tích của thửa đất ông bà đang sử dụng mà chỉ bồi thường diện tích 185.7m² là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông. Việc UBND huyện T trước đây bồi thường như thế nào, cho ai ông bà hoàn toàn không biết, còn thực tế quyền sử dụng đất của ông bà được công nhận là 214.3m² khi thu hồi thì phải bồi thường đủ diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà T.

+ Ngoài việc thu hồi đất của ông bà không đảm bảo đủ diện tích để tính toán bồi thường thì Quyết định thu hồi đất số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 hoàn toàn trái pháp luật. Theo quyết định này thu hồi của chúng tôi diện tích 185.7m², nhưng phần diện tích thu hồi 185.7m² nằm vị trí ở chỗ nào của thửa đất 54, tờ bản đồ số 35 không được thể hiện, không nói rõ, làm ảnh hưởng đến quá trình thu hồi đất về sau, gây thiệt hại cho chúng tôi, gây khó khăn và tranh cãi trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất.

- Cũng từ việc thu hồi đất không đúng nên dẫn đến việc áp giá đền bù cũng sai theo. Theo như ông bà trình bày, diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 214.3m², nhưng bồi thường chỉ có diện tích 185.7m², đây là điều quá vô lý của Ủy ban nhân dân huyện T, ngoài ra cũng không có văn bản pháp luật nào của Nhà nước đang quản lý thể hiện ông bà chỉ có diện tích 185.7m², việc UBND huyện T bồi thường cho ông bà không đủ diện tích là trái pháp luật, ông bà yêu cầu phải bồi thường đủ diện tích mà ông bà được công nhận.

+ Về giá bồi thường không phù hợp với giá trên thị trường, quá thiệt thòi cho người khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ vào cơ sở nào đưa ra mức giá bồi thường cho ông, mức giá đó được tính toán như thế nào ông hoàn toàn không được biết, việc tính toán và áp mức giá theo quy định nào không được thông báo chi tiết cho người bị thu hồi đất. Trong khi đó vào ngày 03/02/2016, ông bà có lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất bị thu hồi này cho ông Lưu Văn H2, sinh năm 1974, HKTT: 120/15 T, P, Q. T. TP . và bà Lê Trần Thủy T1, sinh năm 1973. HKTT: TK 17/25. Nguyễn Cảnh C, P. C, Q, Tp .. giá chuyển nhượng là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng). sau khi thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán tiền xong chúng tôi làm thủ tục sang tên cho bên ông H2, bà T1 thì Ủy ban nhân dân huyện T không cho thực hiện nên các bên phải hủy hợp đồng, nhưng nay khi thu hồi đất của ông chỉ bồi thường số tiền là 544.427.400 đồng và được bồi thường bằng 01 lô đất ở vị trí không thể bằng vị trí thửa đất của ông bà bị thu hồi.

Điều vô lý ở chỗ diện tích đất khi thu hồi thì lớn, trong khi bồi thường cho ông bà 01 lô đất diện tích khoảng 100m² quá nhỏ so với đất bị thu hồi, trong khi khu đất bị thu hồi nằm tại vị trí kinh tế thuận lợi còn lô đất bồi thường nằm ở vị

trí kinh tế không phát triển. Việc thu hồi đất và bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện T quá vô lý gây thiệt hại cho người dân có đất bị thu hồi, dẫn đến việc người dân không bằng lòng với việc làm của Ủy ban nhân dân huyện T.

+ Ủy ban nhân dân huyện T không đền bù công trình xây dựng trên đất 26m² nhà và công trình xây dựng được nâng cấp 57m² nhà trong khi biên bản hiện trạng kiểm đếm làm căn cứ bồi thường thì có các tài sản này.

Theo quy định khi Nhà nước thu hồi đất phải đền bù cho người dân bằng hoặc tốt hơn lợi ích mà người dân được hưởng và phải bồi thường bằng đất có giá trị sử dụng tương ứng, nếu không có đất thì mới bồi thường bằng tiền. So sánh với trường hợp của ông bà thì thấy Ủy ban nhân dân huyện T áp giá bồi thường như vậy là quá thiệt thòi, mức bồi thường mới chỉ bằng khoảng 20% giá trị tài sản của ông bà trên thực tế.

Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng không có đất để đền bù bằng đất cho ông bà nhưng điều bất hợp lý là hộ ông T2, hộ ông N và hộ bà B lại được đền bù đủ diện tích đất và vị trí hoán đổi này nằm trên trục đường C (cùng con đường mà hộ chúng tôi và hộ những người này bị thu hồi). Riêng trường hợp của gia đình tôi thì lại không được hoán đổi đất như vậy mà chỉ được bồi thường bằng 01 lô đất diện tích khoảng 100m² ở đường L có vị trí kém xa về kinh tế so với vị trí đất hiện nay của chúng tôi bị thu hồi. UBND huyện T cho rằng không còn quỹ đất để đền bù nhưng không chứng minh được vấn đề này.

Nếu việc thu hồi đất đủ diện tích 214.3m² và đền bù bằng đất ở trên trục đường C như vị trí đất chúng tôi đang ở và kinh doanh như hiện nay thì chúng tôi đồng ý. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện T đã không làm như vậy nên chúng tôi làm đơn này yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết cho chúng tôi nhưng yêu cầu như sau:

- Hủy Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T.

- Hủy Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T.

- Hủy Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T – Ông Đỗ Ngọc N1 trình bày:

1. Trình tự, thủ tục thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Ngày 04/3/2009 của UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 523/QĐ- UBND về việc giới thiệu địa điểm cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện T lập dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.(dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện).

Ngày 28/7/2010 của Sở T có Văn bản số 2400/TNMT-QH, về việc gia hạn thời hạn hiệu lực quyết định giới thiệu địa điểm Mở rộng Ban chỉ huy quân sự huyện T.

Ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh ban hành Thông báo số 7394/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện, dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Thực hiện Văn bản số 1974/UBND-VP ngày 08/10/2010 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Thông báo số 7394/TB-UBND ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh.

Ngày 19/10/2011 UBND huyện ban hành Quyết định số 3212/QĐ-UBND v/v Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 23/11/2010 Hội đồng bồi thường tổ chức họp Thông báo thu hồi đất, triển khai công tác bồi thường, kiểm tra hiện trạng lập phương án bồi thường chi tiết dự án đầu tư xây dựng dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 21/02/2014 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có Thông báo số 29/TB-TTPTQĐ về việc Niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2093/QĐ-UBND, về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 03/11/2016 Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 247/TB-HĐBT, V/v Niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 07/11/2016 HĐBT tổ chức họp niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 29/11/2016 lập biên bản Kết thúc niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 17/4/2017 HĐBT tổ chức đối thoại với các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 09/5/2017 của Hội đồng bồi thường dự án lập Tờ trình số 48/TTr-HĐBT về việc Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 23/6/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2565/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3594/QĐ-U về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Ngày 12/12/2018 UBND huyện T Quyết định số 6554/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung để thực hiện dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện.

Như vậy, Hội đồng bồi thường dự án đã căn cứ các quy định liên quan và trình tự thủ tục nêu trên để tiến hành lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tạ Quốc V là theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Tạ Quốc V

- Về phương án bồi thường, hỗ trợ:

Hộ ông Tạ Quốc V, sử dụng thửa đất số 54, tờ số 35 thị trấn T, bị thu hồi 185,7m² đất ODT tại dự án mở rộng cơ quan quân sự huyện. Nguồn gốc đất được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB 349589 ngày 22/4/2005 đứng tên bà Ngô Thị T3. Đến năm 2015, bà T3 lập thủ tục chuyển nhượng lại cho ông Tạ Quốc V (chuyển nhượng sau thời điểm có Thông báo thu hồi đất), được Sở T cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CA 347559 ngày 23/6/2015 với diện tích 214,3m², nhưng khi đo đạc thực tế sử dụng để thực hiện bồi thường 135,7m² đất. Việc thực hiện bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thì phải đo đạc xác định diện tích thực tế theo quy định tại Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 08/8/2016, UBND thị trấn T giấy xác nhận nguồn gốc đất số 01/GXN được phòng T6 và phòng Quản lý Đô thị ký xác nhận thẩm tra. Hội đồng bồi thường dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Tạ Quốc V, trình thẩm định và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 831.538.540 đồng (T4 trăm ba mươi một triệu năm trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi đồng chẵn).

Ngày 11/10/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3594/QĐ-UBND, về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Ban chỉ huy Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện Tng Bom.

Hội đồng bồi thường dự án đã tính toán, lập phương án trình thẩm định bổ sung và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 12/12/2018. Trong đó, hộ ông Tạ Quốc V được phê duyệt bổ sung với số tiền là: 1.181.423.400 đồng. Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại 02 Quyết định là: 2.012.961.940 đồng.

Hiện nay, Trung tâm Phát triển quỹ đất tiến hành mời hộ ông Tạ Quốc V tới lập thủ tục giải ngân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án (02 lần theo quy định). Tuy nhiên, hộ ông Tạ Quốc V vẫn chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

- Về phương án bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở:

Căn cứ Điều 4, quy định ban hành kèm theo Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và theo xác nhận của UBND thị trấn T, hộ ông Tạ Quốc V ngoài thửa đất bị thu hồi vẫn còn thửa đất ở khác trên địa bàn thị trấn T nên không đủ điều kiện được bố trí đất ở tái định cư theo quy định.

Tuy nhiên, xét thấy hộ ông Tạ Quốc V thu hồi đất tại vị trí mặt tiền, thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, giảm bớt thiệt thòi của hộ dân. UBND huyện đã chấp thuận chủ trương bồi thường bằng 01 lô đất ở tại Khu tái định cư E, thị trấn T (Vị trí đường L) đối với hộ ông Tạ Quốc V (Theo điểm b, Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

3. Về giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V:

Ngày 17/8/2017 của ông Tạ Quốc V có đơn khiếu nại Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND huyện T, Nội dung: “Khiếu nại đề nghị hoán đổi đủ diện tích 214,3m đất có vị trí tương ứng; Khiếu nại đề nghị bồi thường đủ diện tích theo Giấy CN.QSĐĐ; Khiếu nại đề nghị hỗ trợ ngưng sản xuất kinh doanh; Khiếu nại đề nghị giải quyết 02 lô tái định cư hộ phụ; Khiếu nại đề nghị bồi thường phần tài sản xây dựng năm 2016 (xây dựng sau thời điểm thông báo thu hồi đất)”.

UBND huyện đã giao Thanh tra huyện tổ chức kiểm tra xác minh nội dung khiếu nại của ông Tạ Quốc V. Ngày 31/10/2017 Thanh tra huyện. Báo cáo số 167/BC-TTH, về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông Tạ Quốc V. Ngày 27/11/2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 5225/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V (lần đầu).

- Công nhận nội dung khiếu nại của ông Tạ Quốc V về đề đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm vì khiếu nại đúng, có cơ sở.

- Không công nhận các nội dung khiếu nại của ông Tạ Quốc V, gồm: đề nghị hoán đổi đủ diện tích đất 214,3m² với vị trí tương ứng (vị trí 1, đường C); đề nghị giải quyết thêm 02 lô tái định cư hộ phụ vì gia đình đông con, đã xây dựng gia đình, có nhu cầu tách hộ; đề nghị bồi thường nhà cấp IV hạng 2 có diện tích 26,6m² đã được ghi nhận trong Bảng chiết tính bồi thường ngày 08/5/217 của HĐBT dự án nhưng không được bồi thường và đề nghị xem xét lại cấp hạng nhà đối với phần nhà có diện tích 57,75m² ghi nhận trong Bảng chiết tính bồi thường ngày 08/5/217 của HĐBT dự án vì khiếu nại sai, không có cơ sở.

Ngày 31/7/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 3598/QĐ-UBND, về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại (đối với nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường đủ điều kiện diện tích 214,3 m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Về quy trình giải quyết đơn thư khiếu nại đối với đơn khiếu nại của ông Tạ Quốc V, tại dự án Mở rộng cơ quan quân sự huyện T đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện người bị kiện bổ sung ý kiến tại văn bản số 12141/UBND-TNMT ngày 19/8/2024:

- Về rà soát hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy và bồi thường lề đường 30/4 năm 2005:

Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35 thị trấn T có nguồn gốc đất được UBND huyện giao cho ông Phạm Văn M năm 1994, diện tích 190m², sau đó ông M chuyển nhượng cho bà Ngô Thị T3 sử dụng, năm 2005 bà T3 đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB 349589 ngày 22/4/2005 với diện tích được cấp 214,3m² (cấp theo bản đồ địa chính thị trấn T đo đạc lập năm 1999).

Năm 2005 thực hiện xây dựng dự án vỉa hè lề đường 30/4, Hội đồng bồi thường đã lập phương án bồi thường cho ông Phạm Văn M (Ngô Thị T3) diện tích 14m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35 thị trấn T, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4580/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 (Hội đồng Bồi thường chi trả tiền bồi thường 14.000.000 đồng ngày 18/8/2005). Tuy nhiên chưa thực hiện chỉnh lý diện tích thu hồi bồi thường trên giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà Ngô Thị T3. Đến năm 2015, bà T3 lập thủ tục chuyển nhượng lại cho ông Tạ Quốc V được Sở T cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CA 347559 ngày 23/6/2015 với diện tích 214,3m theo giấy chứng nhận được cấp năm 2005 (chưa trừ diện tích 14m² đã được bồi thường làm vỉa hè năm 2005). Theo bản trích lục và đo đạc hiện trạng bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện đo đạc trên cơ sở chỉ dẫn ranh của ông Tạ Quốc V, thửa 54 tờ bản đồ số 35 thị trấn T có diện tích 195,1m². Trong đó có 15,7m² đất thuộc lề đường 30/4 do UBND thị trấn T quản lý (diện tích 14m² đã được bồi thường năm 2005 và 1,7m² thuộc đất đường giao thông cũ). Do vậy không có cơ sở pháp lý để bồi thường cho ông Tạ Quốc V đối với phần diện tích 15,7m² đất giao thông.

- Về diện tích 7,3m² tăng thêm thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 35 thị trấn T:

Theo bản trích lục và đo đạc hiện trạng bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 do Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện. Đối với diện tích 7,3m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 35 thị trấn T do ông Ngô Văn H3 và bà Mai Thị M1 sử dụng. Năm 2000 đã lập thủ tục thu hồi, bồi thường cho bà M1 và ông H3 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2037/QĐ-CT-UBND ngày 31/7/2000. Về đất đai được UBND huyện hoán đổi lô đất khác cho bà M2 nay là thửa 331 tờ bản đồ số 36 thị trấn T. Tuy nhiên sau khi xây dựng

đường 3/2 diện tích đất còn lại bà M1 chiếm lại sử dụng. Tại dự án mở rộng Ban chỉ Huy quân sự huyện, hộ bà M1 chỉ được bồi thường về tài sản trên đất, không được bồi thường về đất, do đất thuộc UBND thị trấn T quản lý. Vì vậy không có cơ sở để bồi thường cho ông Tạ Quốc V đối với phần diện tích 7,3m² đất này.

- Đối với diện tích tăng 2,1m² tăng thêm còn lại:

Qua kiểm tra bản trích lục và đo đạc hiện trạng bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Phần diện tích tăng 2,1m² so với bản vẽ trích đo địa chính năm 2009 làm cơ sở lập hồ sơ bồi thường của Dự án. Phần diện tích tăng này do vị trí mốc 1 có sai lệch mốc. Cụ thể từ mốc 1 đến mốc 8 khoảng cách là 8m. Đối chiếu Bản vẽ đo đạc thu hồi đất và bản trích đo do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh T7 đo đạc ký ngày 05/11/2019 từ mốc 1 đến mốc 8 là 7,22m tăng 0,78m chiều ngang dẫn đến diện tích tăng từ 185,7m² lên 187,8m² chênh lệch tăng 2,1m² phần diện tích này thuộc thửa đất số 52 tờ 35 đã thu hồi, bồi thường cho bà Mai Thị M2 tại dự án đường C năm 2000.

Về diện tích 185,7m² khi lập hồ sơ bồi thường cho ông Tạ Quốc V tại Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 là phù hợp với dữ liệu địa chính gồm: Bản đồ địa chính thị trấn T đo đạc lập năm 1998, hồ sơ bồi thường cho bà Mai Thị M1 tại dự án đường C năm 2000 và hồ sơ bồi thường lề đường 30/4 năm 2005 cho ông Phạm Văn M (bà Ngô Thị T3) trước thời điểm chuyển nhượng cho ông Tạ Quốc V. Mặt khác từ năm 2018 đến năm 2023, qua 03 lần đo đạc tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35 thị trấn T mỗi lần đo đạc các số liệu về diện tích và mốc ranh sử dụng đều khác nhau không thống nhất. Phần diện tích tăng thêm này thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 35 đã thu hồi của bà Mai Thị M1 giao UBND thị trấn T quản lý. Vì vậy không có cơ sở để lập hồ sơ bồi thường cho ông Tạ Quốc V.

Vì vậy ông Tạ Quốc V khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định giải quyết khiếu nại của U không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị Kim Q1, anh Tạ Quốc V1 trình bày thống nhất ý kiến với người khởi kiện ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa sơ thẩm:

UBND huyện T đã thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục về diện tích và có căn cứ pháp lý đối với hộ gia đình của ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo 03 quyết định của UBND huyện T là 2.066.496.250 đồng đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ ông V.

Ngoài ra, UBND huyện T sẽ xem xét hỗ trợ cho hộ ông V mua một lô tái định cư tại mặt tiền đường C với diện tích khoảng 100m², giá trị khoảng 11.000.000đ/m².

Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T, giữ nguyên các quyết định của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

- Căn cứ Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 123, Điều 143, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 193, Điều 194 và Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 ngày 29/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T;

- Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T;

- Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024, ông Tạ Quốc V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên đơn kháng cáo, đồng ý rút phần khiếu nại diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 214,3m², đồng ý với Kết quả đo đạc thực tế theo Trích lục đo vẽ thửa đất

bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thể hiện diện tích thực tế mà hộ ông Tạ Quốc V sử dụng là 187,8m². Giữ nguyên yêu cầu hủy các quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017; Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ về việc dự án mở rộng Ban Chỉ huy quân sự huyện T không có quyết định thu hồi đất để làm dự án, quyết định thực hiện dự án, quyết định đơn vị chủ đầu tư thực hiện dự án. Không công bố việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích gì, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V. Thông báo thu hồi đất của gia đình ông V là không có căn cứ pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Bùi Xuân H1 trình bày: UBND tỉnh Đ ban hành quyết định về việc thực hiện dự án mở rộng Ban Chỉ huy quân sự huyện T có quyết định thực hiện dự án, có quyết định thu hồi đất, có kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của huyện T đã được phê duyệt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của ông V áp dụng giá bồi thường là giá thị trường là không có căn cứ. Ghi nhận việc UBND huyện T hỗ trợ nền đất ở đường C. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Tạ Quốc V là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và căn cứ ban hành:

Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T được

ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về nội dung các Quyết định:

[2.2.1]. Về nguồn gốc đất:

Hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35 tại thị trấn T có nguồn gốc do UBND huyện T giao cho ông Phạm Văn M năm 1994, sau đó ông M chuyển nhượng cho ông T5, bà T3 vào năm 2005. Ông T5, bà T3 đăng ký kê khai và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 349589 ngày 22/4/2005, diện tích 214,3m² (cấp theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1999). Đến năm 2015 thì ông T5, bà T3 chuyển nhượng cho ông Tạ Quốc V và ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 347559 ngày 23/6/2015. Tại phiên tòa, ông V đồng ý với Kết quả đo đạc thực tế theo Trích lục đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thể hiện diện tích thực tế mà hộ ông Tạ Quốc V sử dụng là 187,8m².

[2.2.2]. Quá trình thu hồi, bồi thường và khởi kiện:

Căn cứ đề nghị về việc xin mở rộng cơ quan của Ban chỉ huy Quân sự huyện T, ngày 04/3/2009, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 523/QĐ-UBND về việc giới thiệu địa điểm cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện T lập dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 28/7/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ban hành văn bản số 2400/TNMT-QH về việc gia hạn thời hạn hiệu lực quyết định giới thiệu địa điểm Mở rộng Ban chỉ huy quân sự huyện T.

Ngày 13/9/2010, UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 7394/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 08/10/2010, UBND huyện T ban hành Văn bản số 1974/UBND-VP về việc triển khai thực hiện Thông báo số 7394/TB-UBND ngày 13/9/2010 của UBND tỉnh.

Ngày 23/11/2010, Hội đồng bồi thường huyện T tổ chức thông báo thu hồi đất, triển khai công tác bồi thường, kiểm tra hiện trạng lập phương án bồi thường chi tiết dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T có sự tham gia của những hộ dân bị thu hồi đất.

Ngày 21/02/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T ban hành Thông báo số 29/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 23/7/2015, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2093/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 03/11/2016, Hội đồng bồi thường dự án ban hành Thông báo số 247/TB-HĐBT về việc niêm yết công khai và lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 09/5/2017, Hội đồng bồi thường dự án có Tờ trình số 48/TTr-HĐBT về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 23/6/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2565/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Mở rộng cơ quan Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 23/6/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2570/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T.

Ngày 28/7/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3003/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V.

Không đồng ý với Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T, ngày 16/8/2018, ông Tạ Quốc V đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017.

Ngày 27/11/2017, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 5225/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V (lần đầu).

Sau đó, ngày 11/10/2018, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3594/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Ban chỉ huy Quân sự huyện T, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 12/12/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định số 6553/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung để thực hiện dự án mở rộng Ban chỉ huy Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T.

Ngày 13/12/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 6180/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch đơn giá nhà ở, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V.

Tuy người khởi kiện xác định không có yêu cầu gì đối với các quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 về việc phê duyệt tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung để thực hiện dự án mở rộng Ban chỉ huy Quân sự huyện, tại thị trấn T, huyện T và Quyết định số 6180/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch đơn giá nhà ở, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V, do đó cần xem xét cả Quyết định nêu trên.

[2.2.3]. Xét thấy, Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của UBND huyện T đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35 tại thị trấn T là không

đúng với thực tế sử dụng của người có đất bị thu hồi, diện tích thu hồi theo quyết định là 185,7m², ít hơn diện tích mà ông V, bà T được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 214,3m². Hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất số 54 là do thì ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng từ ông T5, bà T3 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 347559 ngày 23/6/2015.

Kết quả đo đạc thực tế theo Trích lục đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1855/2023 ngày 14/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thể hiện diện tích thực tế mà hộ ông Tạ Quốc V sử dụng là 187,8m² (ông V đồng ý, không khiếu nại).

Như vậy, về cơ bản việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của UBND huyện là đảm bảo quy định của Luật đất đai 2013 quy định về thu hồi đất vì mục đích an ninh quốc phòng.

[2.2.4]. Theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V thì hộ ông V được bồi thường đối với 185.7m² đất bị thu hồi. Hội đồng bồi thường đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Tạ Quốc V, trình thẩm định và được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là **831.538.540 đồng**.

Ngày 11/10/2018, UBND tỉnh ban hành quyết định số 3594/QĐ-UBND về phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Ban chỉ huy Quân sự huyện tại thị trấn T, huyện T. Hội đồng bồi thường đã tính toán lập phương án trình thẩm định bổ sung và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 6553/QĐ-UBND ngày 12/12/2018. Trong đó hộ ông Tạ Quốc V được phê duyệt bổ sung với số tiền là **1.181.423.400 đồng**.

Ngày 13/12/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 6180/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch đơn giá nhà ở, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V. Trong đó, hộ ông Tạ Quốc V được phê duyệt bổ sung chênh lệch đơn giá nhà ở, vật kiến trúc với số tiền **53.534.310 đồng**.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ được phê duyệt tại 03 Quyết định là 2.066.496.250 đồng.

Yêu cầu của ông V áp dụng giá bồi thường là giá thị trường là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[2.2.5]. Về phương án bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở:

Căn cứ Điều 4, quy định ban hành kèm theo Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và theo xác nhận của UBND thị trấn T, hộ ông Tạ Quốc V ngoài thửa đất bị thu hồi vẫn còn thửa

đất khác trên địa bàn thị trấn T nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định.

Căn cứ khoản 2 Điều 74; điểm b, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định và đối chiếu thực tế ở địa phương thời điểm thực hiện dự án, hộ ông V đã được bồi thường giá trị đất theo quy định, hộ ông V vẫn còn đất tại địa phương do đó không có cơ sở để xem xét hỗ trợ tái định cư.

Hộ ông Tạ Quốc V bị thu hồi đất tại vị trí mặt tiền, thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán nên để đảm bảo quyền lợi, giảm bớt thiệt thòi cho hộ ông V, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định việc cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất thuộc UBND huyện T chấp thuận chủ trương cho hộ ông V mua 01 lô đất ở vị trí tại đường C tại thị trấn T.

Việc UBND huyện T ban hành các Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017; Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đối với hộ ông Tạ Quốc V là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của ông Tạ Quốc V là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Tạ Quốc V, UBND huyện đã thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông V về cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Tạ Quốc V là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí:

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Tạ Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Tạ Quốc V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Quốc V.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quốc V, bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T;

- Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Tạ Quốc V để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cơ quan quân sự huyện tại thị trấn T;

- Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Tạ Quốc V.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tạ Quốc V được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt